

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/DS-PT
Ngày: 29-5-2019
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền

Bà Võ Thị Hồng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST, ngày 31 tháng 01 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện A3 bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2019/QĐ-PT, ngày 04 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; cư trú tại: Khu phố A3, thị trấn A1, huyện A3, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1951; cư trú tại: Khu phố A3, thị trấn A1, huyện A3, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà R: Ông Lưu Văn C, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp B1, xã B2, huyện B3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23-5-2019), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-02-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà với Bà Nguyễn Thị R, chị Trương Thị D (con ruột bà R) có quan hệ bà con. Bà R và chị D làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho người khác nên thường xuyên vay tiền của bà. Ngày 10-7-2017, chị D vay của bà số tiền 950.000.000 đồng, có viết giấy nhận nợ; hai bên còn thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Đến ngày 04-8-2017, bà R đến hỏi vay thêm số tiền 550.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng cho người khác thì bà có nói với bà R biết là chị D đã vay 950.000.000 đồng chưa trả, nếu bà R vay thêm 550.000.000 đồng nữa là thành 1.500.000.000 đồng. Bà R nói có biết chị D đã vay 950.000.000 đồng, tiền vay mẹ con dùng chung nên bà R đề nghị viết giấy nhận nợ với nội dung bà R nhận nợ luôn phần của chị D và của bà R vay tổng cộng là 1.500.000.000 đồng. Sau khi viết xong giấy nhận nợ bà có đọc lại cho bà R nghe, bà R xem xong ký tên. Hai bên còn thỏa thuận bằng lời là lãi suất 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, thời hạn vay từ 07 ngày đến 10 ngày. Quá hạn trả nhưng bà R không trả tiền lãi và tiền gốc, bà có đến gặp yêu cầu trả, bà R có hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay bà yêu cầu bà R trả số tiền 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi; không yêu cầu chị D cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị R đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt thông báo hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà R cố tình không hợp tác với Tòa án, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi lời khai; không tiến hành mở phiên họp tiếp cận, kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt bà R.

Tại Kết luận giám định số 323/C09-P5, ngày 14-11-2018 của Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký “Rời” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị R trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST, ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A3 đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với Bà Nguyễn Thị R. Buộc Bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 1.500.000.000 đồng; ghi nhận Bà M không yêu cầu bà R trả tiền lãi.

Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị R phải chịu là 5.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M không phải chịu, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 28.500.000 đồng Bà M đã nộp. Bà Nguyễn Thị R được miễn tiền án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-3-2019, bà R kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Bà M không có quyền khởi kiện do trước đây đã kiện và rút đơn khởi kiện, nay khởi kiện lại là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà R trình bày: Thừa nhận bà R có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 04-8-2017 nhưng không nợ số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của Nguyễn Thị R, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà M khởi kiện yêu cầu bà R trả số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà R ký nhận nợ ngày 04-8-2017. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà R không hợp tác với Tòa án nên bà R không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà R thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 04-8-2017 là của bà R nhưng bà R ký trong lúc túng quẫn, bị Bà M ép nhận nợ của con bà R. Xét thấy, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà R về việc bị ép ký nợ là không có cơ sở chấp nhận, nên cấp sơ thẩm buộc bà R trả nợ là có căn cứ.

[2] Ngày 16-01-2018, Tòa án nhân dân huyện A3 đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2017/TLST-DS ngày 04-10-2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Bà M và bà R vì nguyên đơn là Bà M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Lý do Bà M rút đơn theo Bà M trình bày là do bà R cam kết nếu rút đơn khởi kiện thì bà R sẽ trả trước $\frac{1}{2}$ số nợ, phần còn lại trả hàng tháng nhưng do không thực hiện nên Bà M khởi kiện lại. Ngày 08-02-2018, Bà M khởi kiện lại và được Tòa án nhân dân huyện A3 thụ lý giải quyết. Việc thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A3 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó kháng cáo của bà R là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà R được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị R; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với Bà Nguyễn Thị R. Buộc Bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng; ghi nhận Bà M không yêu cầu bà R trả tiền lãi.

2. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị R phải chịu là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng. Do bà Nguyễn Thị M đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên Bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bà M cho đến khi thi hành án xong, bà R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm: Bà R được miễn. Bà M không phải chịu, hoàn trả cho Bà M số tiền 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0021285 ngày 08-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A3, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện A3;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện A3;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Văn Thịnh